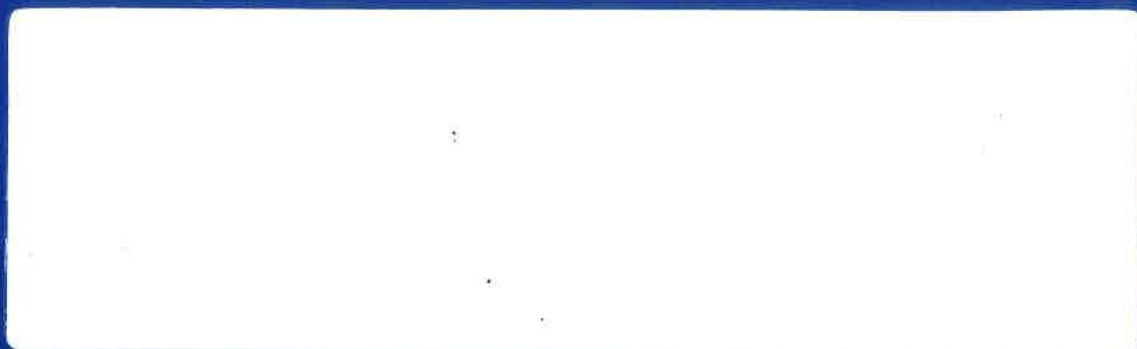




CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Thành viên hãng **AGN International** | A member firm of **AGN International**

Kiểm toán - Audit | Thuế - Tax | Tư vấn - Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÀ ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Rodrigo E. Franco	Thành viên
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016)
Ông Ramoncito S. Fernandez	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 2 năm 2017, từ trang 4 đến trang 53 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lương Xuân Trường

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1741-2013-072-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2017

Phạm Thị Toan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2767-2014-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.876.217.501.605	1.760.505.566.664
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	799.676.241.298	739.148.574.877
1. Tiền	111		34.007.125.679	9.955.597.367
2. Các khoản tương đương tiền	112		765.669.115.619	729.192.977.510
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.842.590.331	242.472.159.865
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15.a	15.842.590.331	242.472.159.865
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		837.057.659.101	612.575.589.224
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	320.609.474.143	308.774.582.642
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	21.895.916.812	70.664.611.325
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	232.035.671.296	142.663.082.744
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	267.591.748.201	95.546.753.772
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.075.151.351)	(5.073.441.259)
IV. Hàng tồn kho	140	11	80.316.645.586	54.858.726.920
1. Hàng tồn kho	141		81.355.675.257	55.897.756.591
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.039.029.671)	(1.039.029.671)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		143.324.365.289	111.450.515.778
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		323.529.270	174.362.284
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		141.222.795.083	108.180.725.590
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19.a	1.778.040.936	3.095.427.904
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.444.904.113.125	5.617.496.809.137
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.090.190.075.748	1.218.957.815.855
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	262.140.216.993	513.557.918.202
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	231.425.250.000	231.425.250.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	596.624.608.755	473.974.647.653
II. Tài sản cố định	220		1.821.750.070.720	1.340.154.312.455
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	62.835.654.087	57.442.630.017
- Nguyên giá	222		107.435.893.824	91.557.637.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.600.239.737)	(34.115.007.011)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.758.914.416.633	1.282.711.682.438
- Nguyên giá	228		2.315.408.540.642	1.525.216.052.487
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(556.494.124.009)	(242.504.370.049)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.034.392.273.789	2.349.751.423.638
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.034.392.273.789	2.349.751.423.638
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		293.960.350.008	507.853.652.827
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	156.246.769.048	317.250.898.671
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	2.902.900.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2.902.900.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15.a	137.713.580.960	190.602.754.156
V. Tài sản dài hạn khác	260		204.611.342.860	200.779.604.362
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	97.110.644.244	74.667.904.377
2. Lợi thế thương mại	269	17	107.500.698.616	126.111.699.985
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.321.121.614.730	7.378.002.375.801


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.302.872.639.911	4.619.899.386.089
I. Nợ ngắn hạn	310		1.143.166.573.901	991.680.769.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	72.332.563.999	129.431.357.954
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.163.841.856	10.298.522.995
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19.b	20.788.800.432	13.076.492.849
4. Phải trả người lao động	314		831.747.524	1.528.188.801
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	49.841.687.345	47.893.513.978
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.200.094	246.201.184
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	329.456.805.210	213.283.734.876
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	648.492.633.348	572.851.500.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.012.294.093	3.071.256.922
II. Nợ dài hạn	330		4.159.706.066.010	3.628.218.616.530
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	79.156.511.758	78.971.486.428
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	3.967.119.579.020	3.493.960.979.506
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	113.429.975.232	55.286.150.596
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.018.248.974.819	2.758.102.989.712
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	3.018.248.974.819	2.758.102.989.712
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.726.295.629	18.378.273.041
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		524.577.588.133	469.717.670.076
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		346.934.283.296	164.712.310.046
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		177.643.304.837	305.005.360.030
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		523.739.692.961	337.801.648.499
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.321.121.614.730	7.378.002.375.801


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 2 năm 2017


Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	443.217.660.834	361.792.984.557
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	9.088.002.723	9.130.079.717
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	434.129.658.111	352.662.904.840
4. Giá vốn hàng bán	11	26	232.026.234.328	237.269.433.798
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		202.103.423.783	115.393.471.042
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	482.107.441.323	357.859.495.123
7. Chi phí tài chính	22	28	143.240.549.574	141.384.859.533
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		143.240.238.629	141.306.160.433
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	15.b	16.902.716.353	22.057.065.387
9. Chi phí bán hàng	25	29	22.597.837.601	17.120.844.144
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	102.327.381.183	66.958.532.328
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		432.947.813.101	269.845.795.547
12. Thu nhập khác	31	31	562.646.522	169.497.100.910
13. Chi phí khác	32	32	863.370.352	899.109.969
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(300.723.830)	168.597.990.941
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		432.647.089.271	438.443.786.488
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	35.038.604.752	25.502.566.301
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	23	-	(70.610.038)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		397.608.484.519	413.011.830.225
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		327.547.782.386	366.777.444.826
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		70.060.702.133	46.234.385.399
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.680	3.358

Dương Thị Nhung

Người lập biểu

Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Nguyễn Văn Thông

Kê toán trưởng

Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2016	2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	5.000.000	757.047.052.000
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(25.192.080.000)	(11.180.820.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.122.811.686.444	3.401.275.683.171
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(767.890.938.125)	(969.556.789.110)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(274.753.009.625)	(115.254.265.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	54.980.658.694	3.062.330.861.023
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	60.526.097.027	694.935.537.804
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	739.148.574.877	44.211.919.920
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.569.394	1.117.153
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	799.676.241.298	739.148.574.877

Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 2 năm 2017

Nguyễn Văn Thông
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm hoạt động

Ngày 10 tháng 5 năm 2016, Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII với tỷ lệ đăng ký góp vốn điều lệ là 99,99%, hiện tại Công ty đang trong quá trình góp vốn vào công ty con này.

Ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty hoàn tất thủ tục mua lại 2% vốn góp vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu, nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết này từ 49,75% lên 51,75%, Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu trở thành công ty con của Công ty.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang đầu tư vào chín (09) công ty con và hai (02) công ty liên doanh, liên kết, bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty đang được đầu tư này như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty CP Cơ khí điện Lũ Gia	TP. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	51,75%	56,02%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu

Công ty đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	45%	45%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông và các dịch vụ hạ tầng khác

Công ty liên doanh, liên kết đầu tư trực tiếp

Công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 13 tháng 10 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 147/2016/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con đồng nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

7123
NHÀ
ĐỒNG T
KIỂM H
TOÁN
TÀI K
ĐCT
IA NỘ
P.HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của quyền thu phí được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu thu phí thực tế so với tổng doanh thu kế hoạch trong suốt thời gian thu phí của dự án

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức 14% theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư vào các dự án B.O.T trong giai đoạn hoạt động được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	348.352.758	180.006.939
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.658.772.921	9.775.590.428
Các khoản tương đương tiền (i)	765.669.115.619	729.192.977.510
Cộng	799.676.241.298	739.148.574.877

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	251.418.309.508	251.418.309.508
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	9.386.257.738	403.174.738
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 4	5.435.849.000	635.091.000
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 2	4.914.921.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	4.047.897.050	-
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	4.028.570.767
Công ty CP Him Lam	3.158.377.829	13.894.266.899
Thầu Thiết kế & Xây dựng Dự án Tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - đường vành đai ngoài tại TP. Hồ Chí Minh	2.909.750.000	2.715.574.000
Công ty CP Cầu 14	2.505.072.658	-
Công ty CP Chiếu sáng Công cộng TP. Hồ Chí Minh	2.271.392.200	1.290.750.450
Ông Trịnh Văn Hà	-	4.526.151.579
Các khách hàng khác	30.816.943.393	29.862.693.701
Cộng	320.609.474.143	308.774.582.642
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	422.400.000	621.170.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	324.990.000	324.990.000
Cộng	747.390.000	946.160.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
b. Dài hạn		
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	262.140.216.993	513.557.918.202
Cộng	262.140.216.993	513.557.918.202

(i) Số dư khoản phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến giá trị xây dựng, lãi bảo toàn vốn chủ và lãi trả chậm của Dự án Cầu Sài Gòn. Khoản phải thu này được cam kết hoàn trả trong thời gian 5 năm, chia đều thành 10 kỳ, kỳ đầu tiên bắt đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014, kỳ cuối cùng sẽ kết thúc vào ngày 12 tháng 12 năm 2018. UBND Thành phố Hồ Chí Minh cam kết trả lãi chậm thanh toán cho số dư nợ tại mỗi kỳ thanh toán (xem Thuyết minh 27). Số dư phải thu cuối kỳ sẽ được thu hồi theo lịch biểu sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trong vòng một năm	251.418.309.508	251.418.309.508
Trong năm thứ hai	251.418.309.508	251.418.309.508
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.721.907.485	262.139.608.694
Cộng	513.558.526.501	764.976.227.710
Trừ số sẽ thu được trong vòng 12 tháng	(251.418.309.508)	(251.418.309.508)
Số sẽ thu sau 12 tháng	262.140.216.993	513.557.918.202

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII	7.007.412.334	24.303.171.783
Công ty TNHH Điện tử Philips Việt Nam	3.910.652.130	-
Công ty TNHH MTV Kiến và Ong	2.644.840.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	-	6.245.341.314
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Ninh Hải	-	5.079.462.215
Phòng Tài chính - Kế toán huyện Thuận Bắc	-	3.502.102.640
Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Ninh Phước	-	1.735.690.000
Các đối tượng khác	8.333.012.348	29.798.843.373
Cộng	21.895.916.812	70.664.611.325
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII	7.007.412.334	24.303.171.783
Cộng	7.007.412.334	24.303.171.783

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Khoản cho công ty mẹ vay - Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	229.035.671.296	142.663.082.744
Công ty TNHH Quốc Vương	3.000.000.000	-
Cộng	232.035.671.296	142.663.082.744
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	231.425.250.000	231.425.250.000
Cộng	231.425.250.000	231.425.250.000

(i). Số dư cuối kỳ theo hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2016 với lãi suất cho vay là 11%/năm.

(ii). Khoản cho vay theo hợp đồng cho vay đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2017 là 8,5%/năm. Kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 cho đến khi khoản nợ gốc được thanh toán hết, lãi suất cho vay áp dụng là 0%. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa thỏa thuận được lịch thanh toán nợ với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc trong thời gian 12 tháng tiếp theo.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	92.125.094.325	37.274.300.930
Khoản tạm ứng lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát của Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	77.667.820.165	-
Lãi cho vay phải thu	35.116.638.862	19.198.802.987
Khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	12.596.040.000	11.368.400.000
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	8.992.821.910	8.992.821.910
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	5.344.403.839	-
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	3.651.471.341	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dự thu	821.634.100	15.370.000.000
Phải thu người lao động	2.329.876.051	1.488.054.076
Ký cược, ký quỹ	9.000.000	9.000.000
Phải thu đối tượng khác	28.936.947.608	1.845.373.869
Cộng	267.591.748.201	95.546.753.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
b. Dài hạn		
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	491.883.070.230	366.060.784.728
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	98.921.041.013	107.913.862.925
Đặt cọc mua cổ phần Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	5.820.497.512	-
Cộng	596.624.608.755	473.974.647.653
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	104.695.994.325	67.841.503.917
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	4.788.613.341	-
Cộng	109.484.607.666	67.841.503.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÂN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2016		01/01/2016		Thời gian quá hạn	Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
Phải thu tiền ứng trước tiền hàng	820.000.000	- >3 năm	820.000.000	- >3 năm		Công ty CP Kim Sơn Hải
Phải thu thi công công trình	546.339.201	- >3 năm	546.339.201	- >3 năm		Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô
Phải thu thi công công trình	-	- >3 năm	369.361.503	- >3 năm		Công ty CTGT 621
Phải thu thi công công trình	1.614.849.071	531.947.875 >3 năm	790.479.419	82.650.429 >3 năm		Các khách hàng khác
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	528.185.000	- >3 năm	528.185.000	- >3 năm		Công ty TNHH TK KT XD QLDA Sáng Tạo Mới
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	457.951.000	- 2-3 năm	457.951.000	- 1-2 năm		Công ty TNHH PT Công Nghệ Môi Trường Phan Việt
Phải thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.200.655.596	35.396.160 >3 năm	1.205.851.697	36.591.650 >3 năm		Các khách hàng khác
Phải thu khác	474.515.518	- >3 năm	474.515.518	- >3 năm		Các đối tượng khác
Cộng	5.642.495.386	567.344.035	5.192.683.338	119.242.079		
Giá trị đã lập dự phòng	5.075.151.351		5.073.441.259			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.712.939.047	(32.650.364)	15.425.830.554	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	214.640.485	(1.456.000)	71.563.814	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.959.084.382	-	28.720.715.027	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	35.130.773.290	-	21.911.594.134	-
<i>Chi phí sản xuất dở dang</i>	2.817.604.614	-	297.103.680	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	99.398.295	-	155.987.195	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	11.911.308.183	-	6.356.030.018	-
Thành phẩm	14.109.189.603	(940.152.856)	11.219.359.362	(940.152.856)
Hàng hóa	5.359.821.740	(64.770.451)	460.287.834	(64.770.451)
Cộng	81.355.675.257	(1.039.029.671)	55.897.756.591	(1.039.029.671)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	34.113.689.478	50.154.650.019	7.159.790.531	129.507.000	91.557.637.028
Mua trong năm	4.447.650.102	1.937.325.000	51.690.409	148.942.500	6.585.608.011
Tặng do hợp nhất	4.784.851.423	2.601.740.135	2.103.562.546	1.321.541.390	10.811.695.494
Phân loại từ TSCĐ vô hình	2.203.283.752	-	-	-	2.203.283.752
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.710.891.993)	(958.921.279)	(52.517.189)	(3.722.330.461)
Tại ngày 31/12/2016	45.549.474.755	51.982.823.161	8.356.122.207	1.547.473.701	107.435.893.824

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2016	5.077.143.997	25.923.982.434	3.018.338.114	95.542.466	34.115.007.011
Khấu hao trong năm	1.419.236.807	2.616.845.739	853.689.400	80.280.902	4.970.052.848
Tặng do hợp nhất	3.211.658.565	750.386.128	1.794.302.759	786.880.746	6.543.228.198
Thanh lý, nhượng bán	-	(142.323.392)	(885.724.928)	-	(1.028.048.320)
Tại ngày 31/12/2016	9.708.039.369	29.148.890.909	4.780.605.345	962.704.114	44.600.239.737

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2016	29.036.545.481	24.230.667.585	4.141.452.417	33.964.534	57.442.630.017
Tại ngày 31/12/2016	35.841.435.386	22.833.932.252	3.575.516.862	584.769.587	62.835.654.087

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 44.938.861 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 44.938.861 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	1.516.829.309.537	8.031.674.450	355.068.500	1.525.216.052.487
Mua trong năm	-	-	50.000.000	50.000.000
Tăng do hợp nhất	791.857.394.079	733.149.000	-	792.590.543.079
XDCB hoàn thành	274.522.454	-	-	274.522.454
Thanh lý, nhượng bán	(439.225.126)	-	(80.068.500)	(519.293.626)
Phân loại sang TSCĐ hữu hình	(2.203.283.752)	-	-	(2.203.283.752)
Tại ngày 31/12/2016	2.306.318.717.192	8.764.823.450	325.000.000	2.315.408.540.642
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	241.293.468.936	1.077.735.076	133.166.037	242.504.370.049
Khấu hao trong năm	117.760.417.867	170.655.516	33.634.704	117.964.708.087
Tăng do hợp nhất	196.375.581.308	-	-	196.375.581.308
Thanh lý, nhượng bán	(350.535.435)	-	-	(350.535.435)
Tại ngày 31/12/2016	555.078.932.676	1.248.390.592	166.800.741	556.494.124.009
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	1.275.535.840.601	6.953.939.374	221.902.463	1.282.711.682.438
Tại ngày 31/12/2016	1.751.239.784.516	7.516.432.858	158.199.259	1.758.914.416.633

Thông tin chi tiết về các quyền thu phí giao thông Công ty đang kiểm soát như sau:

a. Quyền thu phí giao thông trạm Thành Hải (trước đây là trạm Cam Thịnh)

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 582.382.512.275 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Trạm thu phí Cam Thịnh đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 30% doanh thu thu phí của dự án. Việc Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí giao thông theo tỷ lệ doanh thu đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

b. Quyền thu phí giao thông đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 655.648.057.858 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 21,6 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí hoàn vốn so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

c. Quyền thu phí giao thông cầu Rạch Miễu

Công ty được phép thu phí giao thông cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được tính vào giá trị của dự án là 501.138.270.900. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 13 năm 5 tháng bao gồm cả 3 năm tạo lợi nhuận cho nhà đầu tư, dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 8 năm 2022. Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí này theo doanh thu với tỷ lệ hiện nay là 28%.

Tại ngày mua Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu – doanh nghiệp đầu tư và quản lý trực tiếp dự án này, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con theo phương pháp chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai từ hoạt động thu phí. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 290.719.123.179 VND. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Công ty đã thế chấp các quyền thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được để đảm bảo cho các khoản vay và nợ.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 80.000.000 VND (31 tháng 12 năm 2015: 80.000.000 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	1.384.522.630.392	1.107.177.535.654
Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2 (ii)	1.630.255.986.187	1.233.075.591.865
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	13.557.281.818	9.101.799.708
Các dự án khác	6.056.375.392	396.496.411
Cộng	3.034.392.273.789	2.349.751.423.638

(i) Dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội được thực hiện theo hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao số 03/2009/HĐ-B.O.T ngày 25 tháng 11 năm 2009 ký với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư dự án (không bao gồm lãi vay trong thời gian thi công, chi phí sử dụng vốn và thuế VAT) là 2.287.811.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 20% và 80%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG (tiếp theo)

Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 22.

(ii) Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm được thực hiện trên cơ sở hợp đồng B.O.T số 60/HĐ.BOT-BGTVT ngày 8 tháng 12 năm 2014 ký với Bộ Giao thông Vận tải. Tổng vốn đầu tư của dự án là 2.110,8 tỷ VND trong đó vốn đầu tư của chủ sở hữu chiếm 20% và vốn vay chiếm 80%. Thời gian thi công của dự án là 17,5 tháng, dự án đã hoàn thành và thông xe kỹ thuật vào ngày 26 tháng 12 năm 2015. Công ty sẽ thực hiện thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư vào dự án với thời gian thu phí dự kiến trong hợp đồng là 22 năm 1 tháng, thời gian thu phí dự kiến bắt đầu từ quý 3 năm 2016. Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án này trong tương lai đã được cầm cố thế chấp cho các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 22.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	15.842.590.331	15.842.590.331	242.472.159.865	242.472.159.865
ii. Dài hạn				
Vốn hợp tác đầu tư	137.713.580.960	137.713.580.960	190.602.754.156	190.602.754.156

Số dư khoản vốn hợp tác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện giá trị phần góp vốn của Công ty theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội, hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên. Trong kỳ, Công ty ghi giảm vốn hợp tác đầu tư do được hoàn trả vốn tương ứng với tỷ lệ góp vốn từ nguồn thặng dư của phí giao thông thu được sau khi thanh toán các khoản nợ vay, lãi vay và các chi phí hoạt động phát sinh liên quan đến việc thu phí giao thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Phân lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phân lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.483.480.000	-	231.625.210.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	900.000.000	863.289.048	-	-
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	-	-	63.568.623.284	22.057.065.387
Cộng	155.383.480.000	863.289.048	295.193.833.284	22.057.065.387
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		156.246.769.048		317.250.898.671

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay (i)	92.975.756.833	74.515.745.068
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.134.887.411	152.159.309
Cộng	97.110.644.244	74.667.904.377

(i) Chi phí lãi vay trả trước là chi phí lãi vay tài trợ cho Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm phát sinh sau thời điểm dự án đi vào hoạt động và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ trọng doanh thu. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay là 10%.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	163.013.799.804
Lợi thế thương mại tăng từ việc mua công ty con trong năm	4.163.621.765
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(41.065.721.584)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	126.111.699.985
Lợi thế thương mại tăng từ việc mua công ty con trong năm	24.609.611.737
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(43.220.613.106)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	107.500.698.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty CP Thương mại Xây dựng Kỹ thuật Thiên Thành	12.848.254.760	12.848.254.760	292.880.719	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng điện Trí Dũng	7.356.003.149	7.356.003.149	103.984.100	-
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	7.305.055.453	7.305.055.453	-	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Hạ tầng CII	6.443.170.934	6.443.170.934	82.658.856.437	82.658.856.437
Công ty TNHH Xây dựng Duy Minh	5.225.461.715	5.225.461.715	-	-
Công ty TNHH Thép Thương mại Nhật Phát	4.852.939.712	4.852.939.712	6.115.539.695	6.115.539.695
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Tuấn Lộc	3.606.270.644	3.606.270.644	825.728.228	825.728.228
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	3.333.045.360	3.333.045.360	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	2.600.695.308	2.600.695.308	1.766.310.463	1.766.310.463
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	1.916.218.413	1.916.218.413	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	308.065.977	308.065.977	1.930.548.729	1.930.548.729
Công ty TNHH Xây dựng Phú Vinh	1.205.088.328	1.205.088.328	5.597.858.647	5.597.858.647
Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Thuận	-	-	9.440.821.967	9.440.821.967
Công ty TNHH Kiến trúc và Môi trường	-	-	2.580.195.998	2.580.195.998
Các nhà cung cấp khác	15.332.294.246	15.332.294.246	18.118.632.971	18.118.632.971
Cộng	72.332.563.999	72.332.563.999	129.431.357.954	129.034.493.135
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Xây Dựng Hạ tầng CII	1.946.326.098	1.946.326.098	82.658.856.437	82.658.856.437
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	3.333.045.360	3.333.045.360	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	845.467.734	845.467.734	1.366.964.084	1.366.964.084
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	-	45.167.967	45.167.967
Cộng	6.124.839.192	6.124.839.192	84.070.988.488	84.070.988.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	1.408.059.291	1.408.059.291	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.110.797.025	-	80.198.446	1.190.995.471
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-	10.473.877	10.473.877
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	-	-	576.571.588
Cộng	3.095.427.904	1.408.059.291	90.672.323	1.778.040.936
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.102.598.481	25.125.673.326	23.678.443.750	2.549.828.057
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.912.817.440	35.049.204.752	28.961.803.333	18.000.218.859
Thuế thu nhập cá nhân	61.076.928	1.304.984.038	1.127.307.450	238.753.516
Các loại thuế khác	-	129.834.581	129.834.581	-
Cộng	13.076.492.849	61.609.696.697	53.897.389.114	20.788.800.432

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí phải trả về thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, duy tu công trình	25.842.213.858	29.318.625.155
Chi phí lãi vay phải trả	21.560.665.311	18.129.141.791
Chi phí phải trả khác	2.438.808.176	445.747.032
Cộng	49.841.687.345	47.893.513.978

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	10.685.924	2.578.724
Bảo hiểm xã hội	36.978.067	32.467.500
Bảo hiểm y tế	6.045.843	5.557.410
Bảo hiểm thất nghiệp	398.969	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	91.249.814.031	37.373.883.245
Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn	194.958.833.606	131.139.833.606
Phải trả lãi vay hỗ trợ vốn	29.382.671.749	12.438.577.200
Phải trả khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao	6.992.659.506	6.992.659.506
Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Công trình		
Giao thông 6	3.351.653.113	3.351.653.113
Khoản ứng trước lợi nhuận	-	20.459.140.258
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.467.064.402	1.487.384.314
Cộng	329.456.805.210	213.283.734.876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	78.252.220.500	78.252.220.500
Tiền thu trước của các hộ dân nhận đất khu tái định cư Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	904.291.258	719.265.928
Cộng	79.156.511.758	78.971.486.428
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty mẹ	242.958.111.967	151.216.744.324
<i>Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn</i>	194.958.833.606	131.139.833.606
<i>Phải trả lãi vay hỗ trợ vốn</i>	29.382.671.749	12.438.577.200
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	11.059.435.956	81.162.812
<i>Phải trả khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao</i>	6.992.659.506	6.992.659.506
<i>Phải trả khác</i>	564.511.150	564.511.200
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII (i)	78.000.000.000	78.000.000.000
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	-	20.459.140.258
Cộng	320.958.111.967	249.675.884.582

- (i) Số dư phải trả Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII thể hiện khoản nhận trước tiền thanh toán mua toàn bộ cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia mà Công ty đang nắm giữ và khoản cổ tức được chia từ Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia mà Công ty phải trả cho Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII theo điều khoản về phân chia cổ tức quy định trong hợp đồng mua bán cổ phần đã được ký kết. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát đối với công ty Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a. Ngân hạn

	31/12/2016		01/01/2016		Giá trị có khả năng thanh toán VND
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	385.708.750.000	385.708.750.000	3.402.512.668	80.544.262.668	462.850.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	9.056.816.681	9.056.816.681	30.445.328.823	21.388.512.142	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	-	-	117.250.802.565	117.250.802.565	-
Cộng vay ngắn hạn	394.765.566.681	394.765.566.681	151.098.644.056	219.183.577.375	462.850.500.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22.b)	253.727.066.667	253.727.066.667	-	-	110.001.000.000
Tổng cộng	648.492.633.348	648.492.633.348			572.851.500.000

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ 1 phần vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để đầu tư vào dự án này. Lãi suất vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân + biên độ 3%/năm, thời hạn vay được quy định trong từng công văn cụ thể cho từng lần giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016		Giá trị có khả năng thanh toán VND
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 (i)	3.228.641.422.761	3.228.641.422.761	469.216.670.388	63.500.000.000	2.822.924.752.373	2.822.924.752.373	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (ii)	402.479.568.925	402.479.568.925	-	200.000.000	402.679.568.925	402.679.568.925	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (iii)	173.167.669.458	173.167.669.458	4.572.372.000	49.425.461.000	218.020.758.458	218.020.758.458	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iv)	15.710.000.000	15.710.000.000	270.705.000.000	254.995.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Bản Việt (v)	145.000.000.000	145.000.000.000	145.000.000.000	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre (vi)	237.447.984.543	237.447.984.543	277.947.984.543	40.500.000.000	-	-	
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	18.400.000.000	18.400.000.000	18.400.000.000	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	-	160.336.899.750	160.336.899.750	160.336.899.750	
Cộng vay dài hạn	4.220.846.645.687	4.220.846.645.687	1.185.842.026.931	568.957.360.750	3.603.961.979.506	3.603.961.979.506	
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(253.727.066.667)	(253.727.066.667)			(110.001.000.000)	(110.001.000.000)	
Tổng cộng	3.967.119.579.020	3.967.119.579.020			3.493.960.979.506	3.493.960.979.506	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn (tiếp theo)

- (i) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thể hiện các khoản vay như sau:
- Khoản vay dài hạn có hạn mức vay là 2.516.600.000.000 VND với mục đích đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T. Thời hạn giải ngân được tính từ ngày 30 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Thời hạn cho vay đối với từng khoản nợ tối đa là 15 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2029. Lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng áp dụng cho từng thời kỳ. Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.669.828.959.064 VND.
 - Khoản vay dài hạn có hạn mức vay là 405.500.000.000 VND với mục đích tài trợ cho Dự án Đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Lãi suất vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng công bố trong từng thời kỳ và được điều chỉnh ba (03) tháng một lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,2%/năm. Tất cả các khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 7 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu phí giao thông đường bộ, các quyền lợi phát sinh khác trong quá trình thu phí thuộc dự án và quyền được nhận số tiền bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản thuộc dự án. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 259.000.000.000 VND.
 - Khoản vay dài hạn có hạn mức vay là 1.688.640.000.000 VND với mục đích tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay bằng (=) lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,2%/năm. Thời hạn vay là 15 năm tính từ 13 tháng 2 năm 2015. Khoản vay được đảm bảo bằng các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong tương lai từ dự án. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.299.812.463.697 VND.
- (ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn nhằm mục đích thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu. Thời hạn vay là 102 tháng tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 219 tỷ VND và 72 tháng tính từ ngày 2 tháng 12 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 191,920 tỷ VND. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh sáu tháng một lần vào các ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu để đảm bảo cho khoản vay này.
- (iii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng ký ngày 9 tháng 12 năm 2009. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh định kỳ vào ngày 15 của các tháng 2, 5, 8, 11 hàng năm. Thời hạn thanh toán nợ vay cuối cùng là ngày 23 tháng 12 năm 2019. Mục đích sử dụng của khoản vay là để đầu tư xây dựng Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 theo hình thức hợp đồng B.O.T. Công ty đã thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T và nguồn thu hợp pháp từ các dịch vụ khác trên tuyến đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 mang lại để đảm bảo cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn (tiếp theo)

- (iv) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh nhằm mục đích tài trợ cho việc mua lại phần vốn góp vào Công ty TNHH BOT Cần Thơ Phụng Hiệp và thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 300 tỷ VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2016. Lãi suất áp dụng trong 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân là 8,8%/năm, lãi suất này sau đó được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở VND kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ 1,8%/năm. Công ty sử dụng quyền tài sản, quyền tài sản hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn số 79/2014/HĐCN/CII-CIIB&R ký ngày 31 tháng 10 năm 2014 với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) và Hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Đầu tư Xây dựng cầu Sài Gòn 2 số 01/2012/HĐ-B.T ký ngày 9 tháng 3 năm 2012 giữa Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và CII sau khi đã đảm bảo nghĩa vụ của CII với Viettinbank liên quan đến gói trái phiếu CII-B2013-1 do CII phát hành ngày 17 tháng 4 năm 2013 để đảm bảo cho khoản vay này.
- (v) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt nhằm mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 145 tỷ VND. Thời hạn vay là 2 năm, ngày đáo hạn của khoản vay là 20 tháng 7 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 9,5%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2016 và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc để đảm bảo cho khoản vay này.
- (vi) Khoản nợ vay dài hạn tại theo hợp đồng tín dụng ký ngày 12 tháng 12 năm 2005 và phụ lục hợp đồng ngày 31 tháng 8 năm 2009 giữa Công ty và các ngân hàng đồng tài trợ như sau: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến tre - Ngân hàng đầu mối; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tiền Giang; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn; Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre. Số tiền cho vay là 382.295.893.900 VND. Kỳ trả nợ được tính là một tháng/lần và toàn bộ nợ gốc được trả trong 141 kỳ kể từ ngày trả nợ gốc đầu tiên. Lãi suất được tính theo lãi suất của ngân hàng theo từng thông báo lãi vay, lãi suất được điều chỉnh mỗi năm hai lần vào ngày 31/1 và 31/7, tính bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của các ngân hàng đồng tài trợ cộng với phí 2.5%/năm. Mục đích sử dụng của khoản vay là tài trợ duy nhất cho dự án Cầu Rạch Miễu. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là nguồn thu từ dự án, tất cả nguồn thu từ dự án phải được chuyển vào tài khoản ngân hàng đầu mối.

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	253.727.066.667	110.001.000.000
Trong năm thứ hai	300.080.933.333	121.468.461.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.204.129.654.001	261.482.197.208
Sau năm năm	2.462.908.991.686	3.111.010.321.298
Cộng	4.220.846.645.687	3.603.961.979.506
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(253.727.066.667)	(110.001.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	3.967.119.579.020	3.493.960.979.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Bảng cân đối kết toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày	Tại ngày	2016	2015
	31/12/2016	01/01/2016	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	(70.610.038)
Chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh (i)	113.429.975.232	55.286.150.596	-	-
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			-	(70.610.038)

- (i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu như đã nêu tại Thuyết minh số 13. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20% và được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua giá rẻ hoặc lợi thế thương mại khi hợp nhất kinh doanh mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	225.169.550.000	-	(5.362.083.904)	8.481.118.965	205.143.874.082	124.322.924.820	557.755.383.963
Tăng vốn trong năm	1.703.378.100.000	-	-	-	-	-	1.703.378.100.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	366.777.444.826	46.234.385.399	413.011.850.225
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.807.748.096	5.362.083.904	-	-	-	9.169.832.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(150.000.000)	-	-	-	-	(150.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(99.373.259.000)	(45.656.594.422)	(145.029.853.422)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	9.897.154.076	(12.545.024.956)	(12.522.915)	(2.660.393.795)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014	-	-	-	-	6.916.834.000	-	6.916.834.000
Mua công ty con	-	-	-	-	-	224.257.256.741	224.257.256.741
Góp thêm vốn vào công ty con	-	-	-	-	2.164.465	(2.164.465)	-
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	2.811.434.480	(2.811.434.480)	-
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	24.500.000.000	24.500.000.000
Cổ đông không kiểm soát bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(33.066.000.000)	(33.066.000.000)
Chuyển nhượng một phần vốn trong công ty con trong năm	-	-	-	-	(15.797.821)	35.797.821	20.000.000
Tại ngày 01/01/2016	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	18.378.273.041	469.717.670.076	337.801.648.499	2.758.102.989.712
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	327.547.782.386	70.060.702.133	397.608.484.519
Chia cổ tức	-	-	-	-	(246.954.908.600)	(65.114.706.386)	(312.069.614.986)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	-	5.000.000	5.000.000
Mua công ty con	-	-	-	-	-	204.976.699.613	204.976.699.613
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	-	(23.987.180.000)	(27.638.651.341)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	19.348.022.588	(22.825.976.608)	(2.522.783)	(3.480.476.803)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	-	-	744.492.220	51.885	744.544.105
Tại ngày 31/12/2016	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	37.726.295.629	524.571.588.133	523.739.692.961	3.018.248.974.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phần

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần đã mua lại	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.		

c. Cổ tức

Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức đợt cuối của năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2015 với tỷ lệ 6%, cổ tức đợt 1 của năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 với tỷ lệ là 6,4%.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu thu phí giao thông	282.152.550.847	155.305.257.278
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	85.199.870.936	130.419.811.427
Doanh thu bán hàng	73.898.763.611	69.988.556.788
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.878.630.321	4.677.989.654
Doanh thu căn hộ Lữ Gia	87.845.119	1.401.369.410
Cộng	443.217.660.834	361.792.984.557
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
Giảm giá hàng bán	92.047.811	136.365.805
Hàng bán bị trả lại	3.133.000	892.000
Hoàn nhập lãi vốn chủ sở hữu	8.992.821.912	8.992.821.912
Cộng	9.088.002.723	9.130.079.717
Doanh thu thuần	434.129.658.111	352.662.904.840
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
	2016	2015
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	16.641.464.545	2.218.456.300
Công ty CP Đầu tư: Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	590.892.000	590.892.000
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Enviro	-	109.356.000
Cộng	17.232.356.545	2.918.704.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	99.807.575.870	66.013.283.306
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	72.571.749.422	114.532.505.283
Giá vốn của thành phẩm đã bán	58.846.944.600	55.197.364.570
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	726.174.536	178.810.331
Giá vốn căn hộ Lữ Gia	73.789.900	1.347.470.308
Cộng	232.026.234.328	237.269.433.798

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con (i)	138.610.469.024	50.015.700.000
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	125.822.285.502	88.089.265.694
Lãi trả chậm (ii)	107.962.164.832	148.035.347.422
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	86.392.077.895	39.685.671.415
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiéc	19.667.092.390	32.032.393.439
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.651.471.341	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.880.339	1.117.153
Cộng	482.107.441.323	357.859.495.123

(i) Khoản lãi phát sinh do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư ban đầu trước khi nắm quyền kiểm soát Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu. Giá trị này được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý tại ngày nắm quyền kiểm soát công ty con và giá gốc của khoản đầu tư ban đầu. Khoản lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày mua không được dùng để chia cho các cổ đông.

(ii) Lãi trả chậm được quy định trong hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Cầu Sài Gòn: lãi trả chậm được tính theo chu kỳ 6 tháng, lãi suất trả chậm bằng 7,81%/6 tháng, được tính trên số dư nợ vốn đầu tư mà Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa thanh toán.

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	143.240.238.629	89.764.755.527
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng	-	51.541.404.906
Chi phí tài chính khác	310.945	78.699.100
Cộng	143.240.549.574	141.384.859.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lương nhân viên	9.096.890.276	1.097.211.167
Chi phí hoa hồng bán hàng	228.883.299	444.937.815
Chi phí vận chuyển hàng bán	3.389.361.900	4.924.879.936
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	2.480.162.869	7.208.359.996
Chi phí in vé thu phí giao thông	600.967.702	233.899.614
Các khoản chi phí bán hàng khác	6.801.571.555	3.211.555.616
Cộng	22.597.837.601	17.120.844.144

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	66.386.904.378	41.065.721.584
Chi phí lương nhân viên	12.228.167.951	7.181.438.491
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	502.318.668	507.742.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.908.995.559	10.359.932.226
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.710.092	1.236.879.439
Chi phí thuê văn phòng	1.433.930.526	1.425.948.048
Chi phí tiếp khách	750.197.744	566.864.395
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.115.156.265	4.614.006.051
Cộng	102.327.381.183	66.958.532.328

31. THU NHẬP KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	384.000.000	384.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	72.727.273	-
Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ	-	168.985.813.124
Tiền phạt do chậm thanh toán thu được	-	99.474.553
Thu nhập khác	105.919.249	27.813.233
Cộng	562.646.522	169.497.100.910

32. CHI PHÍ KHÁC

	2016 VND	2015 VND
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	379.984.644	379.984.644
Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	202.369.491	448.506.910
Phạt vi phạm hành chính về thuế	119.774.562	22.297.427
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.062.000	-
Chi phí khác	160.179.655	48.320.988
Cộng	863.370.352	899.109.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.481.903.588	32.489.531.299
Giá mua hàng hóa	65.410.373.394	-
Chi phí nhân công	27.715.579.857	14.229.425.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.546.369.153	81.298.588.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.230.156.251	176.642.523.344
Chi phí bằng tiền khác	5.406.660.319	1.284.872.395
Cộng	331.791.042.562	305.944.940.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2016		2015	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	229.910.625.651	202.736.463.620	179.298.926.265	259.144.860.223
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	891.004.717	(49.762.020.806)	33.226.950	(119.444.242.772)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	<i>(23.318.563.731)</i>	-	<i>(32.032.393.439)</i>
<i>Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư</i>	-	<i>(138.610.469.024)</i>	-	<i>(50.015.700.000)</i>
<i>Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết</i>	-	<i>(16.902.716.353)</i>	-	<i>(22.057.065.387)</i>
<i>Phân bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất</i>	-	<i>36.817.192.652</i>	-	<i>10.238.176.035</i>
<i>Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ</i>	-	-	-	<i>(168.985.813.124)</i>
<i>Lợi thế thương mại phân bổ</i>	-	<i>43.220.613.106</i>	-	<i>41.065.721.584</i>
<i>Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất</i>	-	<i>32.187.053.766</i>	-	<i>77.145.312.563</i>
<i>Chi phí lãi vay góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc</i>	-	<i>15.716.195.201</i>	-	<i>18.954.057.114</i>
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>891.004.717</i>	<i>1.128.673.577</i>	<i>33.226.950</i>	<i>1.097.115.424</i>
<i>Hoàn nhập thu nhập/(lỗ) chịu thuế bị loại trừ khi hợp nhất</i>	-	-	-	<i>5.146.346.458</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	230.801.630.368	152.974.442.814	179.332.153.215	139.700.617.451
Lỗ tính thuế mang sang	<i>(1.322.255.240)</i>	-	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	229.479.375.128	152.974.442.814	179.332.153.215	114.760.670.041
<i>Thu nhập chịu thuế 22%</i>	-	-	-	<i>99.390.670.041</i>
<i>Thu nhập chịu thuế 20%</i>	<i>229.479.375.128</i>	<i>152.974.442.814</i>	-	<i>15.370.000.000</i>
<i>Thu nhập chịu thuế 10%</i>	-	-	<i>179.332.153.215</i>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	22.947.937.513	30.594.888.563	17.933.215.322	24.939.947.410
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn</i>	<i>(15.109.850.756)</i>	-	<i>(16.807.977.541)</i>	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%</i>	<i>(3.919.043.379)</i>	-	<i>(562.618.890)</i>	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu</i>	<i>524.672.811</i>	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.443.716.189	30.594.888.563	562.618.891	24.939.947.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường tỉnh ĐT 741 tỉnh Bình Dương và Dự án xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miễu, thu nhập từ dự án đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	324.067.305.583	365.356.610.826
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	108.793.302
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.680	3.358

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 6 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; dịch vụ cho thuê mặt bằng và dịch vụ tư vấn thu phí giao thông; hoạt động kinh doanh mua bán căn hộ; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện;
- Hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T: đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng, tư vấn thu phí giao thông: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: kinh doanh bán căn hộ tại dự án 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng		Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T		Thị công lắp đặt, duy tu công trình		Cho thuê mặt bằng, tư vấn thu phí giao thông		Bán căn hộ Lữ Gia		Hoạt động thu phí giao thông		Loại trừ giao dịch nội bộ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần																
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73.803.582.800	-	85.199.870.936	1.878.630.321	87.845.119	273.159.728.935	-	434.129.658.111								
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	70.077.660.934	-	-	-	(70.077.660.934)	-								
Cộng	73.803.582.800	-	155.277.531.870	1.878.630.321	87.845.119	273.159.728.935	(70.077.660.934)	434.129.658.111								
Giá vốn																
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	58.846.944.600	-	72.571.749.422	726.174.536	73.789.900	99.807.575.870	-	232.026.234.328								
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	70.077.660.934	-	-	-	(70.077.660.934)	-								
Cộng	58.846.944.600	-	142.649.410.356	726.174.536	73.789.900	99.807.575.870	(70.077.660.934)	232.026.234.328								
Lợi nhuận gộp bộ phận	14.956.638.200	-	12.628.121.514	1.152.455.785	14.055.219	173.352.153.065	-	202.103.423.783								
Doanh thu hoạt động tài chính		108.134.915.973														
Chi phí tài chính		-														
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-														
Chi phí bán hàng		-														16.902.716.353
Chi phí quản lý doanh nghiệp		750.978.911														22.597.837.601
Thu nhập khác		-														102.327.381.183
Chi phí khác		2.500.005														562.646.522
Chi phí thuế TNDN hiện hành		-														863.370.352
Tổng lợi nhuận sau thuế		107.381.437.057														35.038.604.752
																397.608.484.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T VND	Thi công, duy tu công trình VND	Cho thuê mặt bằng, tư vấn thu phí giao thông VND	Bán căn hộ Lũ Gia VND	Doanh thu thu phí giao thông VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần								
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	69.987.664.788	-	130.419.811.427	4.677.989.654	1.265.003.605	146.312.435.366	-	352.662.904.840
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.548.000.271	-	132.573.887.040	-	-	-	(134.121.887.311)	-
Cộng	71.535.665.059	-	262.993.698.467	4.677.989.654	1.265.003.605	146.312.435.366	(134.121.887.311)	352.662.904.840
Giá vốn								
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	55.197.364.570	-	114.532.505.283	178.810.331	1.347.470.308	66.013.283.306	-	237.269.433.798
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	1.548.000.271	-	132.573.887.040	-	-	-	(134.121.887.311)	-
Cộng	56.745.364.841	-	247.106.392.323	178.810.331	1.347.470.308	66.013.283.306	(134.121.887.311)	237.269.433.798
Lợi nhuận gộp bộ phận	14.790.300.218	-	15.887.306.144	4.499.179.323	(82.466.703)	80.299.152.060	-	115.393.471.042
Doanh thu hoạt động tài chính	148.656.144.860							357.859.495.123
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-							22.057.065.387
Chi phí tài chính	-							141.384.859.533
Chi phí bán hàng	-							17.120.844.144
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.221.761.384							66.958.532.328
Thu nhập khác	-							169.497.100.910
Chi phí khác	1.213.542							899.109.969
Chi phí thuế TNDN hiện hành	136.842.417							25.502.566.301
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	-							(70.610.038)
Tổng lợi nhuận sau thuế	147.296.327.517							413.011.830.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	4.615.612.212.368	4.066.812.479.506
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(799.676.241.298)	(739.148.574.877)
Nợ thuần	3.815.935.971.070	3.327.663.904.629
Vốn chủ sở hữu	3.018.248.974.819	2.758.102.989.712
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	126%	121%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	799.676.241.298	739.148.574.877
Đầu tư ngắn hạn	15.842.590.331	242.472.159.865
Phải thu khách hàng	579.955.191.303	819.539.711.102
Phải thu về cho vay	463.460.921.296	374.088.332.744
Phải thu khác	160.232.480.869	74.757.226.495
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	293.960.350.008	507.853.652.827
Cộng	2.313.127.775.105	2.757.859.657.910
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	4.615.612.212.368	4.066.812.479.506
Phải trả người bán	72.332.563.999	129.431.357.954
Phải trả khác	328.804.734.452	148.105.157.553
Chi phí phải trả	49.841.687.345	47.893.513.978
Cộng	5.066.591.198.164	4.392.242.508.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	22.746.000	22.854.730

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2016			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	799.676.241.298	-	799.676.241.298
Đầu tư ngắn hạn khác	15.842.590.331	-	15.842.590.331
Phải thu khách hàng	317.814.974.310	262.140.216.993	579.955.191.303
Phải thu về cho vay	232.035.671.296	231.425.250.000	463.460.921.296
Phải thu khác	160.232.480.869	-	160.232.480.869
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	293.960.350.008	293.960.350.008
Cộng	1.525.601.958.104	787.525.817.001	2.313.127.775.105
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	648.492.633.348	3.967.119.579.020	4.615.612.212.368
Phải trả người bán	72.332.563.999	-	72.332.563.999
Phải trả khác	328.552.513.952	252.220.500	328.804.734.452
Chi phí phải trả	49.841.687.345	-	49.841.687.345
Cộng	1.099.219.398.644	3.967.371.799.520	5.066.591.198.164
Chênh lệch thanh khoản thuần	426.382.559.460	(3.179.845.982.519)	(2.753.463.423.059)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	739.148.574.877	-	739.148.574.877
Đầu tư ngắn hạn khác	242.472.159.865	-	242.472.159.865
Phải thu khách hàng	305.981.792.900	513.557.918.202	819.539.711.102
Phải thu về cho vay	142.663.082.744	231.425.250.000	374.088.332.744
Phải thu khác	74.757.226.495	-	74.757.226.495
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	507.853.652.827	507.853.652.827
Cộng	1.505.022.836.881	1.252.836.821.029	2.757.859.657.910
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	572.851.500.000	3.493.960.979.506	4.066.812.479.506
Phải trả người bán	129.431.357.954	-	129.431.357.954
Phải trả khác	147.385.891.625	719.265.928	148.105.157.553
Chi phí phải trả	47.893.513.978	-	47.893.513.978
Cộng	897.562.263.557	3.494.680.245.434	4.392.242.508.991
Chênh lệch thanh khoản thuần	607.460.573.324	(2.241.843.424.405)	(1.634.382.851.081)

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ của tập đoàn
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau

	2016 VND	2015 VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Lãi phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	19.667.092.390	32.032.393.439
Nhận tiền vay	85.621.512.668	1.091.628.519.070
Thanh toán tiền vay	80.544.262.668	646.996.750.000
Chi phí lãi vay	36.787.785.843	40.529.525.144
Thanh toán lãi vay	-	28.896.227.976
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	195.793.469.186	57.644.966.066
Hoàn trả vốn góp	25.141.800.000	11.092.100.000
Thanh toán cổ tức, lợi nhuận	180.623.676.972	52.770.990.800
Chuyển tiền cho vay	426.400.000.000	308.000.000.000
Nhận lại tiền cho vay	340.027.411.448	161.299.493.205
Lãi cho vay	15.403.104.219	3.252.361.861
Thu lãi cho vay	13.178.913.532	2.209.642.812
Nhận bàn giao lãi vốn chủ	-	6.109.158.282
Thu tiền cho thuê mặt bằng	649.980.000	324.990.000
Doanh thu cho thuê mặt bằng	590.892.000	590.892.000
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII		
Chi phí thi công xây dựng công trình	281.454.763.313	493.243.404.663
Thanh toán giá trị thi công xây dựng công trình	363.341.954.815	406.937.437.036
Doanh thu thi công xây dựng, bán hàng hóa	16.641.464.545	2.218.456.300
Thu tiền bán hàng hóa	18.939.576.380	5.246.234.290
Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong năm	7.800.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia		
Chi phí thuê mặt bằng	1.849.480.843	1.263.406.119
Thanh toán tiền thuê mặt bằng	1.848.596.893	1.807.332.161
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	150.000.000	680.000.000
Thu tiền hỗ trợ vốn	150.000.000	685.000.000
Thu tiền thanh lý bất động sản đầu tư	-	18.123.403.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí thi công công trình xây lắp	21.591.412.053	17.975.964.681
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	23.135.922.746	18.669.370.596
Chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu phí	-	2.172.745.000
Thanh toán chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu phí	3.346.861.000	999.017.000
Chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	683.657.065	-
Thanh toán chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	714.421.634	-
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	-	7.208.359.996
Thanh toán chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	-	8.437.696.000
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	384.000.000	349.090.909
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC		
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	5.717.769.481	-
Thanh toán chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	6.476.398.907	-
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau		
	VND	VND
Lương và thưởng	1.862.040.000	876.200.000

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo năm nay.

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) đã mua thành công 8.988.570 cổ phiếu LGC của Công ty, nâng tỷ lệ sở hữu từ 49% lên 53,66%. Theo đó, Công ty lại trở thành công ty con của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.


Dương Thị Nhung

Người lập biểu

Ngày 28 tháng 2 năm 2017


Nguyễn Văn Thông

Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc



**Trụ sở chính tại Hà Nội:**

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
ĐT: (04) 6664 2777 Fax: (04) 6664 3777
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Head Office in Hanoi:

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung Ward
Thanh Xuan District, Ha Noi City
Tel: (+84 4) 6664 2777 Fax: (+84 4) 6664 3777
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh:

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3547 2323 Fax: (08) 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son
Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: (+84 8) 3547 2323 Fax: (+84 8) 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Hải Phòng:

4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
ĐT: (031) 3797 268 Fax: (031) 3797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

4 Nguyen Trai, May To Ward
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: (+84 31) 3797 268 Fax: (+84 31) 3797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thanh Hóa:

30 Từ Đạo Hạnh, Phường Đông Thọ
Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (037) 3758 959 Fax: (037) 8886 866
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn

Branch in Thanh Hoa Province:

30 Tu Dao Hanh, Dong Tho Ward
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
Tel: (+84 37) 3758 959 Fax: (+84 37) 8886 866
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn